

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2019.

V/v : “ ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Dương Minh Ngọc.

+ Bà Trần Thị Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2019, về “*yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lê Thành Th, sinh năm: 1986, trú tại: Thôn I, xã T, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị B, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn N, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Thành Th trình bày:

Ngày 21/11/2018, anh Th và chị B được Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà

My, tỉnh Quảng Nam xử công nhận thuận tình ly hôn; giao con chung Lê Trần Thành L, sinh ngày 25/6/2012 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi tuổi trưởng Thành. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung (bản án số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018.) Tuy nhiên từ tháng 11/2018, sau khi có bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam chị B không lập tức dẫn cháu L về nuôi như phán quyết của Tòa mà mãi đến ngày 20/6/2019 chị B mới dẫn cháu L về nuôi. Trong khoảng thời gian chị B đón cháu về nuôi, chị B và gia đình nhiều lần cản trở việc thăm nom chăm sóc con của anh Th. Chị B không đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu L do thường xuyên đi làm, tăng ca. Từ cuối tháng 7/2019, cháu L có nguyện vọng về ở với ba ở Trà My nên anh Th đón con về Trà My chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay xét thấy chị B không đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu L có nguyện vọng ở với anh Th nên anh Th làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giao cháu L cho anh Th nuôi. Anh Th không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn chị B trình bày:

Ngày 21/11/2018, anh Th và chị B được Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xử công nhận thuận tình ly hôn; giao con chung Lê Trần Thành L, sinh ngày 25/6/2012 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi tuổi trưởng Thành. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung (bản án số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018.) Nguyên nhân chị B không đón cháu L về nuôi từ tháng 11/2018 là do ngay thời điểm xử xong, chị B dắt cháu L về nhưng bị anh Th ép xe ngã xuống đường rồi dắt cháu L đi mất; do trời tối chị B không nhờ cơ quan có thẩm quyền can thiệp được. Sau đó chị B chờ bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My có hiệu lực pháp luật (khoảng tháng 2/2019 chị B hỏi cán bộ Tòa án mới được biết án đã có hiệu lực pháp luật) chị B yêu cầu được dẫn con về nuôi nhưng anh Th ngăn cản, hơn nữa con đang theo học tại trường ở huyện Bắc Trà My nên để tránh xáo trộn tâm lý con, chị B để con học xong lớp một mới dẫn về. Tuy nhiên anh Th ngăn cản nên chị B phải làm đơn yêu cầu Thi hành án để cơ quan có thẩm quyền can thiệp.

Khoảng tháng 6/2019 chị B đón được con về Tam Tiến, huyện Núi Thành để cho con đi học hè, chuẩn bị hồ sơ chuyển trường cho con về học Tam Tiến nhưng được khoảng 2 tháng, anh Th tự ý dẫn con về Trà My ở đến nay (được khoảng 20 ngày). Hộ khẩu của cháu L vẫn chung hộ khẩu với gia đình anh Th, chị B nhiều lần yêu cầu xin cắt khẩu nhưng bà Ớn (mẹ anh Th) không cho, gây khó khăn cho việc chị B cắt khẩu, chuyển trường cho cháu L.

Trong quá trình con trai ở với chị B gần hai tháng ở xã Tam Tiến, huyện Núi Thành chị B không hề ngăn cản việc anh Th cùng gia đình đến thăm nom chăm sóc con chung.

Anh Th không có nghề nghiệp ổn định, không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Nay anh Th gây khó khăn ngăn cản không cho chị trực tiếp nuôi con như phán quyết tại bản án số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, lại lấy đó làm lý do yêu cầu thay đổi không cho chị B trực tiếp

nuôi con, chị B không đồng ý, yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của anh Th.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thành Th, giao cháu Lê Trần Thành L cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My ban hành bản án số 73/2018/HNGĐ-ST, quyết định cho ly hôn giữa anh Lê Thành Th và chị Trần Thị B, giao cháu Lê Trần Thành L cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Do không đồng ý với bản án số 73/2018/HNGĐ-ST, anh Th làm đơn kháng cáo nhưng kháng cáo quá hạn không có lý do chính đáng nên không được xem xét giải quyết. Từ sau khi ly hôn đến tháng 6/2019, cháu L vẫn ở với anh Th, tiếp tục sống, học tập tại Bắc Trà My, chị B về quê ở Tam Tiến, Núi Thành sinh sống. Tháng 6/2019 đến tháng 7/2019, cháu L được mẹ đón về Tam Tiến, Núi Thành. Cuối tháng 7/2019, anh Th đón con về Trà My ở theo nguyện vọng của cháu L. Nay xét thấy chị B không đảm bảo điều kiện nuôi con nên anh Th làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giao cháu L cho anh Th nuôi.

[3] Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên thỏa thuận với nhau về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con nhưng hai bên không thỏa thuận được. Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Từ sau khi ly hôn đến tháng 6/2019, chị B thừa nhận vẫn để con tiếp tục ở Bắc Trà My để tránh xáo trộn cuộc sống của con. Như vậy sau khi vợ chồng ly hôn, mặc dù giao con cho chị B nhưng chị B chưa làm hết sức mình để được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong quá trình ở với anh Th ở Bắc Trà My, cháu L vẫn học tập, phát triển bình thường. Hiện nay, cháu L có nguyện vọng được ở với anh Th, anh Th được nhận vào lực lượng dân quân thường trực ở xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My nên hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con. Tại phiên tòa, cháu L có nguyện vọng được ở với ba là anh Th với lý do cháu sống ở Trà My từ nhỏ, quen với môi trường và có bạn bè ở đây. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Th làm hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[4] Anh Th không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” của nguyên đơn anh Lê Thành Th với bị đơn chị Trần Thị B.

Giao con chung: Lê Trần Thành L, sinh ngày 25/6/2012 cho anh Lê Thành Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị B phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Hoàn lại cho anh Lê Thành Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004366 ngày 30/7/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đình Dũng